

## MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG OBJECTIVES AND INVESTMENT POLICY UNIVERSAL LIFE FUND (ULF)

### 1.1 OBJECTIVES OF THE INVESTMENT POLICY/ MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Serve as the governing document for investment decision-making.  
*Dùng làm tài liệu quản trị và định hướng cho các quyết định đầu tư.*
- Achieve investment portfolio diversification to maximize the return and reduce the risk.  
*Đa dạng hóa danh mục đầu tư để tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro.*
- Maintain sufficient short term cash flow for liquidity.  
*Đảm bảo duy trì dòng tiền ngắn hạn hợp lý cho thanh khoản.*
- Minimize interest rate sensitivity.  
*Giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.*

### 1.2 MONITORING AND REPORTING/ THỰC HIỆN VÀ BÁO CÁO

- All investments are subject to statutory limitations and the internal segment parameters.  
*Tất cả các khoản đầu tư tuân thủ theo giới hạn luật pháp quy định và các quy định phân khúc nội bộ.*
- It is the responsibility of local investment department (or personnel) and operational management to ensure they are familiar with, and adhere to, all regulations of law and internal investment rules.  
*Đây là trách nhiệm của phòng đầu tư trong nước và quản lý Phòng nghiệp vụ để đảm bảo nhân viên đầu tư nắm bắt và tuân thủ tất cả các luật định và qui định đầu tư nội bộ.*
- It is the responsibility of local Investment Department to regularly report on investment activities based on regulations of law and internal investment rules.  
*Phòng Đầu tư trong nước chịu trách nhiệm báo cáo thường xuyên về các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ.*
- Any breaches of investment policy or investment procedure/regulations or lower level of rules have to be reported to the Investment Committee.  
*Bất kỳ vi phạm chính sách đầu tư, hoặc quy trình/quy định đầu tư hoặc các quy định cấp thấp hơn nào đều phải được báo cáo cho Hội đồng đầu tư.*

### 1.3 RISK DIVERSIFICATION BY INVESTMENT APPROVAL/ PHÂN TÁN RỦI RO QUA PHÂN CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

The CEO should approve all the investment made by the company. The CEO may delegate authority for approval to a staff of the company.

*Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các khoản đầu tư do công ty thực hiện. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền phê duyệt cho một nhân viên của công ty.*

### 1.4 INVESTMENT PORTFOLIO AND INVESTMENT POLICY REVIEW / ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC ĐẦU TƯ VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Target asset mixes and allowable tactical ranges are approved by Investment Committee and regularly reviewed. Asset mix rebalancing shall be done as needed.  
*Sự kết hợp tài sản mục tiêu và phạm vi chiến lược cho phép được phê duyệt bởi Hội đồng đầu tư và thường xuyên được xem xét lại. Việc cơ cấu lại danh mục tài sản sẽ được thực hiện khi cần thiết.*
- The Investment Department has authority to take tactical positions within the range. These positions will be monitored by the manager and will be communicated to Investment Committee and Appointed Actuary via monthly asset allocation report. Significant changes in equity positions will generally be discussed with Investment Committee in advance.  
*Phòng Đầu tư có thẩm quyền thực hiện các vị thế/trạng thái đầu tư chiến lược trong phạm vi cho phép. Các vị thế/trạng thái đầu tư này sẽ được giám sát bởi người quản lý và sẽ được thông báo tới Hội đồng đầu tư và Chuyên gia tính toán (AA) thông qua báo cáo phân bổ tài sản hàng tháng. Những thay đổi quan trọng về vốn chủ sở hữu sẽ được thảo luận với Hội đồng đầu tư trước.*
- Revise the Investment Policy to reflect any changes should be approved by the Investment Committee.  
*Việc chỉnh sửa chính sách đầu tư do Hội đồng đầu tư phê chuẩn.*
- Rebalance the Investment Portfolio in line with the Investment Policy.  
*Danh mục đầu tư được điều chỉnh phù hợp với chính sách đầu tư.*

**1.5 UNIVERSAL LIFE PORTFOLIO (UL Portfolio)/ DANH MỤC BẢO HIỂM NHÂN THỌ LIÊN KẾT CHUNG (UL) Asset of UL Portfolio/ Tài sản của Quỹ liên kết chung**

This investment policy regulates only investments of Universal Life Portfolio and applied to VND assets until being adjusted or replaced by a new policy or decision from authorized Management team.

Chính sách đầu tư chỉ quy định với danh mục bảo hiểm nhân thọ liên kết chung (LKC) và áp dụng với tài sản bằng VND cho đến khi được điều chỉnh hay thay đổi bởi 1 chính sách hay quyết định từ cấp có thẩm quyền.

Name Loại hình đầu tư	Content Nội dung	UL portfolio (Min% - Max%/Total UL portfolio) Danh mục Quỹ LKC (Tối thiểu% - Tối đa %/ Tổng giá trị danh mục quỹ LKC		MOF Regulation/ Theo quy định của BTC
		VND	USD	
<b>Deposit with Credit institutions</b> Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	- Deposit/ Tiền gửi	10% - 70%	N/A	- No Limit/ Không giới hạn
	- Certificate of deposit/ Chứng chỉ tiền gửi			
<b>Government Bond</b> Trái phiếu chính phủ	- Government bond and Government guaranteed bond/ - Trái phiếu chính phủ hoặc trái phiếu chính phủ bảo lãnh	No Limit/ Không giới hạn	N/A	- No Limit/ Không giới hạn
	- Local government bonds (Bond issued by Municipalities)/ - Trái phiếu chính quyền địa phương			
<b>Corporate Bond</b> Trái phiếu doanh nghiệp	- Corporate bond/ - Trái phiếu doanh nghiệp	- Total Corporate Bond, Equity & fund unit: Max 50% of idle fund from UL technical reserve /Tổng giá trị đầu tư vào Trái phiếu doanh nghiệp, Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tối đa: 50% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ của quỹ UL.	N/A	- Total Corporate Bond, Equity & fund unit: Max 50% of idle fund(s) from technical reserves / Tổng giá trị đầu tư vào Trái phiếu doanh nghiệp, Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tối đa: 50% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm
<b>Equity/ Cổ phiếu</b>	- Stocks/ Cổ phiếu  - Fund units/ chứng chỉ quỹ			
<b>Real estate/ Bất động sản</b>		Max 20%/ Tối đa 20%	N/A	Max 20% of idle fund(s) from technical reserves/ Tối đa 20% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm
<b>NOTE: Duration Gap</b> /Khoảng cách kỳ hạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Change of Max duration gap and investment asset (tenor) are subject to approval of IC time to time. Max 7-years gap with liabilities, effective from 2018</li> <li>- Sự thay đổi của mức chênh lệch kỳ hạn tối đa và tài sản đầu tư (kỳ hạn còn lại) được phê duyệt bởi IC vào từng thời kỳ. Mức chênh lệch kỳ hạn tối đa 7 năm giữa tài sản và nợ có hiệu lực từ năm 2018</li> </ul>			

(\*) Including investment in front of sum of Regular finances for insurance payout within the period (min 5% of total PHF).

(\*) Đã bao gồm khoản tiền dùng để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ (tối thiểu 5% tổng quỹ chủ hợp đồng).